

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2022

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng
03 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 03 năm 2022 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 03/2022 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm)

1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 02 tháng đầu năm 2022 đạt 112,2 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 28,7 triệu tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 32 triệu tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa đạt 51 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh xếp dỡ đạt 111,626 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 02 tháng đầu năm 2021 là 3,9 triệu TEUs, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 1,26 triệu TEUs, giảm 2% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 1,37 triệu TEUs, tăng 11% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nội địa đạt 1,28 triệu TEUs, giảm 2% so với cùng kỳ 2021.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 02 tháng đầu năm 2022 tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021. Các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao như: Khu vực Quảng Ninh tăng 48% (từ 14,6 triệu tấn lên 21,7 triệu tấn), khu vực Quảng Trị tăng 38% (từ 175 nghìn tấn lên 241 nghìn tấn), khu vực Nghệ An tăng 14% (từ 1,67 triệu tấn lên 1,9 triệu tấn). Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm mạnh như: Khu vực Bình Thuận giảm 38% (từ 2,1 triệu tấn xuống 1,3 triệu tấn),

khu vực Cần Thơ giảm 24% (từ 2,37 triệu tấn xuống còn 1,79 triệu tấn), khu vực Đồng Tháp giảm 28% (từ 190 nghìn tấn xuống còn 136 nghìn tấn), ngoài ra ở khu vực cảng biển lớn như thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu cũng ghi nhận mức giảm nhẹ lần lượt là 5% (giảm 1,2 triệu tấn) và 2% (giảm 396 nghìn tấn).

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 02 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó lượng hàng nhập khẩu tăng 11% (từ 1,2 triệu teus lên 1,3 triệu teus), tuy nhiên lượng hàng xuất khẩu và nội địa lại giảm nhẹ với mức giảm tương ứng là 2% (từ 1,29 triệu teus xuống 1,26 triệu teus) và 2% (từ 1,3 triệu teus xuống 1,28 triệu teus) so với cùng kỳ năm 2021.

- Số lượng hành khách thông qua cảng biển 02 tháng đầu năm 2022 đạt 594 nghìn lượt, có xu hướng tăng trở lại so với những tháng trước và tăng 48% so với cùng kỳ năm 2021 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng).

2. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 3 năm 2022 là 67,3 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Hàng xuất khẩu ước đạt 17,2 triệu tấn tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 19,2 triệu tấn giảm 4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa ước đạt 30,7 triệu tấn tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ ước đạt 143 nghìn tấn.

Trong đó, hàng container thông qua cảng biển trong tháng 3 năm 2022 ước đạt 2,3 triệu TEUs tăng 6% so với cùng kỳ.

- Hàng xuất khẩu ước đạt 757 nghìn TEUs tăng 7% so với cùng kỳ.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 826 nghìn TEUs tăng 12% so với cùng kỳ.
- Hàng nội địa ước đạt 773 nghìn TEUs giữ nguyên so với cùng kỳ.

II. Lượt tàu thông qua cảng biển (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 02 tháng đầu năm 2022 cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 7993 lượt, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 8404 lượt, giảm 10% so với cùng kỳ 2021.

Trong đó:

- +Tàu Xuất nhập cảnh đạt 1120 lượt, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2021.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 7284 lượt, giảm 14% so với cùng kỳ 2021.

2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 02 tháng đầu năm 2022 cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 50,5 nghìn lượt, giảm 4 % so với cùng kỳ năm 2021

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 5652 lượt, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 02 tháng đầu năm 2022 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 76,9 triệu tấn, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ năm 2021.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 35,1 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 10 triệu tấn, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2021.

III. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VMIC) quản lý trong 02 tháng đầu năm 2022 (Phụ lục II) cụ thể như sau:

Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do VMIC quản lý đạt 12,38 triệu tấn, giảm 9% với cùng kỳ năm 2021 (do không thống kê sản lượng của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh từ năm 2022), chiếm 11% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 3,66 triệu tấn chiếm 28% tổng khối lượng hàng hóa do VMIC quản lý, đứng thứ 2 là cảng bến SSIT đạt 1,73 triệu tấn, sau đó là Cảng Sài Gòn đạt 1,7 triệu tấn.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

Phụ lục I
THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 03/2022

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725.367	112.260	67.343	179.603	172.445	104%	25%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		28.747	17.248	45.995	44.161	104%	
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		32.071	19.243	51.314	53.668	96%	
	Hàng nội địa	1000 tấn		51.182	30.709	81.891	74.236	110%	
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		260	143	403	380	106%	
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252.253</u>	<u>36.751</u>	<u>22.051</u>	<u>58.802</u>	<u>60.219</u>	98%	
		<u>1000 Teus</u>	<u>24.884</u>	<u>3.926</u>	<u>2.356</u>	<u>6.282</u>	<u>5.926</u>	106%	25%
	Xuất khẩu	1000 Tấn		12.411	7.447	19.858	18.728		
		1000 Teus		1.262	757	2.019	1.887		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		13.133	7.880	21.013	21.026		
		1000 Teus		1.376	826	2.202	1.968		
	Nội địa	1000 Tấn		11.207	6.724	17.931	20.465		
		1000 Teus		1.288	773	2.061	2.071		
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81.927</u>	<u>12.257</u>	<u>7.354</u>	<u>19.611</u>	<u>18.984</u>	103%	24%
	Xuất khẩu	1000 tấn		570	342	912	1.045		
	Nhập khẩu	1000 tấn		3.867	2.320	6.187	5.890		
	Nội địa	1000 tấn		7.820	4.692	12.512	12.049		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391.187</u>	<u>62.992</u>	<u>37.795</u>	<u>100.787</u>	<u>92.860</u>	109%	26%
	Xuất khẩu	1000 tấn		15.766	9.460	25.226	24.387		
	Nhập khẩu	1000 tấn		15.071	9.043	24.114	26.751		
	Nội địa	1000 tấn		32.155	19.293	51.448	41.722		
4	<u>Hàng quá cảnh bốc dỡ</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79.435</u>	<u>11.327</u>	<u>6.796</u>	<u>18.123</u>	<u>17.926</u>	101%	23%

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 2 NĂM 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng								
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua								
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển	lượt	7.192	7.630	94%	16.397	17.865	92%	
1.1.1.1. Tàu ngoại	lượt	3.641	3.589	101%	7.993	8.522	94%	
1.1.1.2. Tàu nội	lượt	3.551	4.041	88%	8.404	9.343	90%	
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	493	395	125%	1.120	914	123%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	3.058	3.646	84%	7.284	8.429	86%
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng	tấn	48.426.290	47.224.580	103%	112.115.869	109.118.706	103%	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	12.199.486	12.334.561	99%	28.748.223	26.702.915	108%
	+ Nhập khẩu	tấn	13.882.823	14.849.315	93%	32.072.927	34.172.641	94%
	+ Nội địa	tấn	22.286.223	19.869.592	112%	51.183.093	47.982.893	107%
	+ Quá cảnh không bốc dỡ	tấn	57.758	171.112	34%	111.626	260.257	43%
	+ container	tấn	16.299.238	16.357.922	100%	36.751.759	38.183.625	96%
	+ container	teus	1.748.955	1.673.040	105%	3.926.925	3.844.551	102%
	+ Hàng lỏng	tấn	5.378.442	5.610.351	96%	12.258.824	12.624.210	97%
+ Hàng khô	tấn	26.690.852	25.085.195	106%	62.993.660	58.050.614	109%	

1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua								
1.2.1. Tổng số PTTND		Lượt	22.874	22.164	103%	50.578	52.576	96%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt	2.365	2.136	111%	5.652	5.271	107%
1.2.2. Tổng số tấn PTTND		tấn	15.466.675	14.711.077	105%	35.154.581	33.050.787	106%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	4.305.807	3.541.724	122%	10.045.997	7.854.031	128%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn	48.426.290	47.224.580	103%	112.115.869	109.118.706	103%
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	32.959.615	32.513.503	101%	76.961.288	76.067.919	101%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	15.466.675	14.711.077	105%	35.154.581	33.050.787	106%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý								
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh		Triệu tấn	0,23	0,4	58%	0,44	0,66	67%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)		Triệu tấn	1,63	1,69	96%	3,66	3,70	99%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)		Triệu tấn	0,015	0,03	47%	0,02	0,07	32%
Cảng Cửa Lò		Triệu tấn	0,25	0,27	93%	0,58	0,65	89%
Cảng Bến Thủy		Triệu tấn	0,02	0,02	100%	0,05	0,06	83%
Cảng Tiên Sa		Triệu tấn	0,568	0,484	117%	1,27	1,23	104%
Cảng Ba Ngòi		Triệu tấn	0,1	0,168	60%	0,23	0,34	68%

Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	0,66	0,78	85%	1,70	1,92	89%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0,69	0,79	87%	1,38	1,84	75%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0,45	0,49	92%	0,99	1,01	98%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0,69	0,81	85%	1,73	1,96	88%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0,046	0,084	55%	0,125	0,16	80%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0,055	0,049	112%	0,116	0,10	116%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0,032	0,078	41%	0,08	0,16	54%
III. Hàng hóa quá cảnh và Hành khách thông qua							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảng	Tấn	6.041.604	5.098.201	119%	11.327.273	11.339.963	100%
Lượt hành khách thông qua	Lượt khách	594.147	400.482	148%	851.556	673.000	127%